

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 7 - 2022.

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mạc Minh Quang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đức Hạnh và bà Dương Thị Kim Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Quốc Phong - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/4/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Vũ Thị T**, sinh năm 1991, Nơi ĐKKHKT: thôn P L, xã V H, huyện B G, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay: thôn M T, xã T H, huyện B G, tỉnh Hải Dương

- *Bị đơn:* Anh **Vũ Tất H**, sinh 1984, địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn P L, xã V H, huyện B G, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Vũ Tất V, sinh năm 1960, địa chỉ: Thôn P L, xã V H, huyện B G, tỉnh Hải Dương.

Chị T, anh H và ông V đều vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Vũ Thị T trình bày:* Chị và anh Vũ Tất H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V H, huyện B G ngày 18/9/2009 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng tổ chức cuộc sống chung tại gia đình chồng. Tháng 7 năm 2011, anh H đi lao động tại Đài Loan, từ thời điểm đó vợ chồng ít quan tâm đến nhau nên tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, ở nhà cuộc sống giữa chị và gia đình anh H cũng xảy ra mâu thuẫn. Năm 2017, chị sang Đài Loan lao động, thỉnh thoảng gặp nhau nhưng cũng không tìm được tiếng nói chung do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Tháng 3/2020, chị về nước và đón con chung là Vũ Thị Lan

A về nhà bố mẹ để sinh sống, còn anh H vẫn tiếp tục ở lại Đài Loan lao động. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H để chị sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Vũ Tất T, sinh ngày 06/10/2010 và Vũ Thị Lan A, sinh ngày 10/3/2015, hiện cháu Lan A đang ở cùng với chị, cháu T đang do gia đình anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, nguyện vọng của chị mỗi người nuôi một con, chị xin nuôi dưỡng con Vũ Thị Lan A, còn anh H nuôi dưỡng con Vũ Tất T. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và cam kết đủ khả năng, điều kiện chăm sóc con chung đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung, vay nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh H tại Đài Loan vì anh H không cho chị biết địa chỉ.

- Ông Vũ Tất V là bố đẻ anh H trình bày: Anh H và chị T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 2009. Thời gian đầu hai vợ chồng sống vui vẻ, hòa thuận, đến năm 2011 anh H đi lao động tại Đài Loan. Quá trình chung sống giữa gia đình và chị T có phát sinh mâu thuẫn dần, xảy ra cãi nhau. Năm 2017, chị T cũng đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2018. Sau đó tháng 3/2020 chị T về nước nhưng không về chung sống cùng gia đình ông và đón con chung Vũ Thị Lan Anh về nhà để sinh sống. Sau khi nhận thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, ông đã thông báo qua điện thoại cho anh H biết về việc chị T làm đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Anh H không cung cấp cho gia đình biết địa chỉ cụ thể, nay chưa thể về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn được và không trình bày ý kiến bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Tuy nhiên, qua điện thoại anh H có quan điểm xác định tình cảm giữa hai vợ chồng đã lạnh nhạt, vợ chồng sống ly thân nhiều năm nên không có sự tin tưởng nhau trong cuộc sống, anh H không muốn quay về chung sống với chị T nữa nên nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Về con chung, vợ chồng có 02 con chung là Vũ Tất T, sinh ngày 06/10/2010 và Vũ Thị Lan A, sinh ngày 10/3/2015, anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T và đồng ý để chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lan A, hai bên không phải cho cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cho nhau. Do anh H hiện đang ở nước ngoài nên nhờ gia đình ông trông nom cháu T cho đến khi anh H về nước, ông nhất trí; về tài sản chung vợ chồng không có nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại công văn số 8886/QLXNC-P5 ngày 09/5/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác định anh Vũ Tất H, sinh ngày 28/7/1984, có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần lần cuối xuất cảnh ngày 13/7/2014 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số C2630362, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đảm bảo quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề

ngợi áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Vũ Tất H; Về con chung: Giao chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Vũ Thị Lan A, sinh ngày 10/3/2015, anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Vũ Tất T, sinh ngày 06/10/2010 cho đến khi con trưởng thành, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao cháu T cho ông Vũ Tất V trông nom chăm sóc cho đến khi anh H về nước; Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

Anh Vũ Tất H là bị đơn trong vụ án là người Việt Nam đang lao động tại Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ, tuy nhiên anh H vẫn thường xuyên liên lạc với thân nhân ở trong nước. Tòa án đã yêu cầu chị T và ông V (bố đẻ anh H) cung cấp địa chỉ của anh H nhưng không cung cấp được nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh H, chị T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V H, huyện B G, tỉnh Hải Dương ngày 18/9/2009. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống vui vẻ, hòa thuận, đến tháng 7/2011 anh H đi Đài Loan xuất khẩu lao động, chị T ở nhà làm lao động tự do. Đến năm 2017 chị T sang Đài Loan lao động, thời điểm này hai vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Năm 2020 chị T về nước, còn anh H vẫn tiếp tục làm việc tại Đài Loan. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Thông qua gia đình, anh H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, thường xuyên sống xa nhau nên không có sự tin tưởng trong cuộc sống, không muốn quay về chung sống với chị T nên nhất trí ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần xử cho chị T được ly hôn anh H là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh H, chị T có 02 con chung là Vũ Tất T, sinh ngày 06/10/2010 và Vũ Thị Lan A, sinh ngày 10/3/2015, hiện cháu Lan A đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, còn cháu T đang do gia đình anh H chăm sóc,

nuôi dưỡng. Cả hai đều có nguyện vọng mỗi người nuôi một con, chị T xin nuôi con Vũ Thị Lan A, anh H xin nuôi con Vũ Tất T, không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Ngoài ra, cháu T có quan điểm xin được ở với bố, cháu Lan Anh có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét hai bên đã thống nhất được với nhau về việc nuôi con chung nên cần chấp nhận giao con chung Vũ Tất T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Vũ Thị Lan A cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của hai bên không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Tạm giao cháu T cho ông Vũ Tất V (bố đẻ anh H) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh H về Việt Nam trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung, vay nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Vũ Tất H.

2. Về con chung: Giao chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Vũ Thị Lan A, sinh ngày 10/3/2015 và giao anh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Vũ Tất T, sinh ngày 06/10/2010 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, trưởng thành; hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao cháu T cho ông Vũ Tất V (bố đẻ anh H) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh H về Việt Nam trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh H, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2021/0000069 ngày 25/4/2022. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T và ông V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh H đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã V H, huyện B G (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Mạc Minh Quang**